

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

VĂN BẢN THÔNG TIN VÀ DẠY HỌC VĂN BẢN THÔNG TIN

Mã học phần: NV226

Số tín chỉ: 03

Dùng cho chuyên ngành: Lí luận & PPDH Văn-Tiếng Việt

Bậc đào tạo: Thạc sĩ

Người biên soạn: PGS.TS Lê Thị Phượng

Thanh Hóa, tháng 8 năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Trình độ đào tạo: Thạc sĩ****1. Thông tin chung về học phần**

Tên học phần: Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin	Mã học phần
Tên tiếng Anh: Informational text and informational text teaching	1NV226
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung ; <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp	
Số tín chỉ: 03	
Số tiết lý thuyết: 27	Số tiết thảo luận/bài tập: 18
Số tiết thực hành: 18	Số tiết tự học: 135 tiết
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>	
Học phần tiên quyết	Khối kiến thức cơ sở ngành
Học phần kế tiếp:	Thực tập
Bộ môn quản lý học phần	Ngữ văn

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS.TS Lê Thị Phụng	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915831971	Phụ trách
2	Phạm Thị Anh	Khoa GDMN	0914336136	CBGD2

3. Mô tả tóm tắt học phần*Nội dung học phần:*

Học phần cập nhật và trang bị kiến thức chuyên sâu về văn bản thông tin; các quan niệm về văn bản thông tin, chức năng và đặc điểm của văn bản thông tin; văn bản thông tin trong sách giáo khoa; nguyên tắc, phương pháp dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản thông tin trong môn Ngữ văn ở trường trung học.

Năng lực đạt được:

- Phân tích, phản biện, luận giải về đặc điểm, vai trò, tác dụng của các yếu tố nội dung và hình thức của các văn bản thông tin trong sách giáo khoa môn Ngữ văn..

- Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào đổi mới dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản thông tin theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Vận dụng các kiến thức về văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin vào giải quyết được các vấn đề đặt ra trong thực tiễn dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức		
CLO1	Chỉ ra, xác định được những vấn đề chuyên sâu về văn bản thông tin (Khái niệm; VB thông tin ở một số quốc gia trên thế giới)	PLO4: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về giao tiếp ngôn ngữ và tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn.
Kỹ năng		
CLO2	Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	PLO5: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy đọc phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về đọc hiểu môn Ngữ văn theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.
		PLO6: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về tạo lập văn bản môn Ngữ văn.
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO3	Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp	PLO9: Tổ chức và quản lý các hoạt động ứng dụng các mô hình, giải pháp mới vào nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:

PLO										
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
CLO										
1				✓	✓					
2						✓				
3									✓	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu tham khảo chính (01-02 giáo trình/tài liệu)	1. Nguyễn Hồng Nam (Chủ biên), Dương Thị Hồng Hiếu (2017), <i>Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản</i> , Nxb Đại học Cần Thơ. 2. Đỗ Ngọc Thống tổng chủ biên, Bùi Minh Đức chủ biên, (2018). <i>Dạy học phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn THPT</i> , Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.
Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)	1. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Nguyệt, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân (2017), <i>Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông</i> , Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội. 2. Bùi Minh Đức (Tổng chủ biên) và nhiều tác giả (2020), <i>Đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 10</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	
Thi cuối kì				50%

	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CL03.	
Thang điểm				10

Rubric 1 Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 - 89% số giờ lý thuyết	Tham dự $<$ 80% số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực tham dự các hoạt động học tập chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		- Chủ động tích cực thực hiện đáp ứng \geq 85% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng \geq 70% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động thực hiện đáp ứng \geq 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	- Thực hiện đáp ứng $<$ 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
Tổng điểm:						

Rubric 2 Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
	40%	4.0 đến \geq 3.25	2.75 đến \leq 3.25	2.5 đến \geq 2.0	0 đến $<$ 2.0	

Nội dung		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo luận	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL chưa xác đáng	Ý kiến lan man không bám vào chủ đề thảo luận.	
	30%	<i>3.0 đến ≥ 2.5</i>	<i>2.0 đến ≤ 2.5</i>	<i>1.5 đến ≤ 2.0</i>	<i>0 đến $\leq 1,25$</i>	
		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác, nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	<i>1.0 đến ≥ 0.75</i>	<i>0.5 đến ≤ 0.75</i>	<i>0.25 đến ≥ 0.5</i>	<i>0 đến ≤ 0.25</i>	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	<i>2.0 đến ≥ 1.5</i>	<i>1.25 đến 1.5</i>	<i>1.0 đến ≤ 1.25</i>	<i>0 đến < 1.0</i>	
		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	
Tổng điểm:						

Rubric 3 Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt yêu cầu 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhấn mạnh những điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nêu được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu logic.	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng tâm.	
	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn		Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.		
Phương tiện hỗ trợ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình ảnh tương đối phù hợp.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá nhiều slide trình chiếu.	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn điệu.	
Thái độ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	

		người nghe				
Tổng điểm:						

Rubric 5 Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	4.0 đến \geq 3.25	2.75 đến \leq 3.25	2.5 đến \geq 2.0	0 đến $<$ 2.0	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	
	40%	4.0 đến \geq 3.25	2.75 đến \leq 3.25	2.5 đến \geq 2.0	0 đến $<$ 2.0	
		Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình thức bài	10%	1.0 đến \geq 0.75	0.5 đến \leq 0.75	0.25 đến \geq 0.5	0 đến \leq 0.25	

kiểm tra viết		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	<i>1.0 đến 0.75</i>	<i>0.5 đến ≤ 0.75</i>	<i>0.25 đến ≤ 0.5</i>	<i>0 đến ≤ 0.25</i>	
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
Tổng điểm:						

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1: Văn bản thông tin

[21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>1. Các khái niệm liên quan đến văn bản thông tin</p> <p>1.1.1. Văn bản phi hư cấu (non-fiction text)</p> <p>1.1.2. Văn bản thông tin (informational text/informative text)</p> <p>1.1.3. Văn bản bình luận (expository text)</p> <p>1.2. Văn bản thông tin trong chương trình GDPT của 1 số nước trên thế</p>	9	Lí thuyết	CLO1: Chỉ ra, xác định được những vấn đề chuyên sâu về văn bản thông tin (Khái niệm; VB thông tin ở một số quốc gia trên thế giới)	GT1, GT2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu các cách phân loại VB. - Chỉ ra điểm giống và khác nhau trong các định nghĩa về VB thông tin.

giới					
1.3. Văn bản thông tin trong chương trình GDPT Việt Nam 1.3.1. Chương trình Ngữ văn 2006 1.3.2. Chương trình Ngữ văn 2018	6	Thảo luận/BT	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.		Thuyết trình Hoặc trình bày bằng bảng tổng hợp
Chỉ ra điểm giống và khác nhau của văn bản thông tin và VB thông tin tổng hợp	6	Thực hành	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	GT1 GT2	Bảng so sánh
Giới thiệu 01 VB thông tin hoặc VB thông tin tổng hợp		Tự học	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	Internet	Thuyết trình hoặc Poster
Phân tích đặc	07'	KT - ĐG		GT1	Thuyết trình

trung của VB thông tin và VB thông tin tổng hợp.				GT2 TLTK2	
--	--	--	--	--------------	--

Nội dung 2, Tuần 2: Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường trung học
[21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
2.1. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản thông tin ở Trung học phổ thông 2.2. Các nguyên tắc dạy đọc hiểu văn bản thông tin 2.3. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học hiểu văn bản thông tin	9	Lí thuyết	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	GT1 GT2	Chỉ ra mức độ tích hợp và phân hóa ở yêu cầu cần đạt về đọc hiểu VB thông tin ở THPT.
2.4. Đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản thông tin của học sinh trung học	6	Thảo luận/BT	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.	GT1 GT2	Nêu tiêu chí đánh giá năng lực đọc hiểu VB thông tin
Đọc hiểu VB thông tin và VB	6	Thực hành	CLO2: Vận dụng, tổ chức	GT1 GT2	Trình bày kết quả đọc

thông tin tổng hợp			được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học		bằng sơ đồ trình chiếu trên máy chiếu.
Đọc và giới thiệu về 1 VB thông tin tổng hợp		Tự học		TLTK2	Thuyết trình
Nêu cách đọc VB thông tin và VB thông tin tổng hợp		KT - ĐG	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.	GT1 GT2	Thuyết trình

Nội dung 3, Tuần 3: Dạy học viết văn bản thông tin ở trường trung học
[21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
2.1. Yêu cầu cần đạt về dạy học viết văn bản thông tin ở trường trung học phổ thông	9	Lí thuyết	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu	GT2 TLTK2	Chỉ ra mức độ tích hợp và phân hóa ở yêu cầu cần đạt về

2.2. Các nguyên tắc dạy viết văn bản thông tin 2.3. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học viết văn bản thông tin			văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học		viết VB thông tin ở THPT.
2.4. Đánh giá năng lực viết văn bản thông tin của học sinh trung học.	6	Thảo luận/BT	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.	GT2 TLTK2	Nêu tiêu chí đánh giá năng lực viết VB thông tin
Rèn kỹ năng viết 1 văn bản thông tin tổng hợp có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.	6	Thực hành	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	GT2 TLTK2	Nêu biện pháp dạy học viết VB thông tin theo tiến trình, đảm bảo đặc trưng kiểu, loại VB.
Viết báo cáo nghiên cứu về 1 vấn đề có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện giao		Tự học	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải		Thuyết trình

tiếp phi ngôn ngữ.			quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường PT.		
Đề xuất tiêu chí đánh giá năng lực viết 1 báo cáo nghiên cứu		KT - ĐG			Thuyết trình

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật

Ngày tháng 8 năm 2022

Duyệt
(Khoa)

Trưởng bộ môn
(Kí tên)

Giảng viên
(Kí tên)

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC